



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

ANNUAL REPORT

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
I/ Thông tin chung	5
1. Thông tin khái quát	5
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:.....	6
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro.....	8
II/ Tình hình hoạt động trong năm	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	14
3. Tình hình tài chính	14
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	17
III/ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	18
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2. Tình hình tài chính	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	20
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	21
IV/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	21
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	22
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	22
V/ Quản trị công ty	23
1. Hội đồng quản trị	23
2. Ban Kiểm soát.....	24
3. Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	24
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	26

11/7 T H T HỒI

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông của công ty Hestia,

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Hestia tiếp tục đạt được kết quả khả quan trong năm 2016. Kết thúc năm tài chính 2016, tổng tài sản công ty đạt 50 tỷ đồng, tăng 240% so với đầu năm, lợi nhuận sau thuế đạt 4,4 tỷ đồng, và ROE đạt 36,36%. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ và là sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2015.

Với kết quả kinh doanh thành công và một năng lực tài chính lành mạnh, Hestia sẽ tiếp tục theo đuổi các cơ hội đầu tư cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư của Hestia tiếp tục nhắm đến các cơ hội đầu tư với tỷ suất lợi nhuận vượt trội, các doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh bền vững và mức tăng trưởng vượt bậc so với mức bình quân chung của nền kinh tế.

Kết quả kinh doanh mà Hestia đạt được là kết quả từ sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân viên công ty. Với một triết lý kinh doanh vững trải, Hestia sẽ tự tin tiến những bước mạnh mẽ hơn trong năm 2017.



Lã Giang Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

11/07/2016 13:11

I/ Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Hestia
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/02/2014, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2016.
- Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 16.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, KĐT Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: (043) 2003419
- Website: www.hestia.vn
- Mã cổ phiếu: HSA

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Việc thành lập:

Công ty Cổ phần Hestia hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/02/2014, với vốn điều lệ ban đầu là 8.200.000.000 đồng (Tám tỷ hai trăm triệu đồng). Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lần 1 vào đầu tháng 9 năm 2016 từ 8,2 tỷ lên 16 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác:

- + Ngày 09/11/2016, Công ty đã thực hiện đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- + Ngày 23/01/2017, ngày giao dịch đầu tiên của công ty Hestia (HAS) trên thị trường Upcom.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

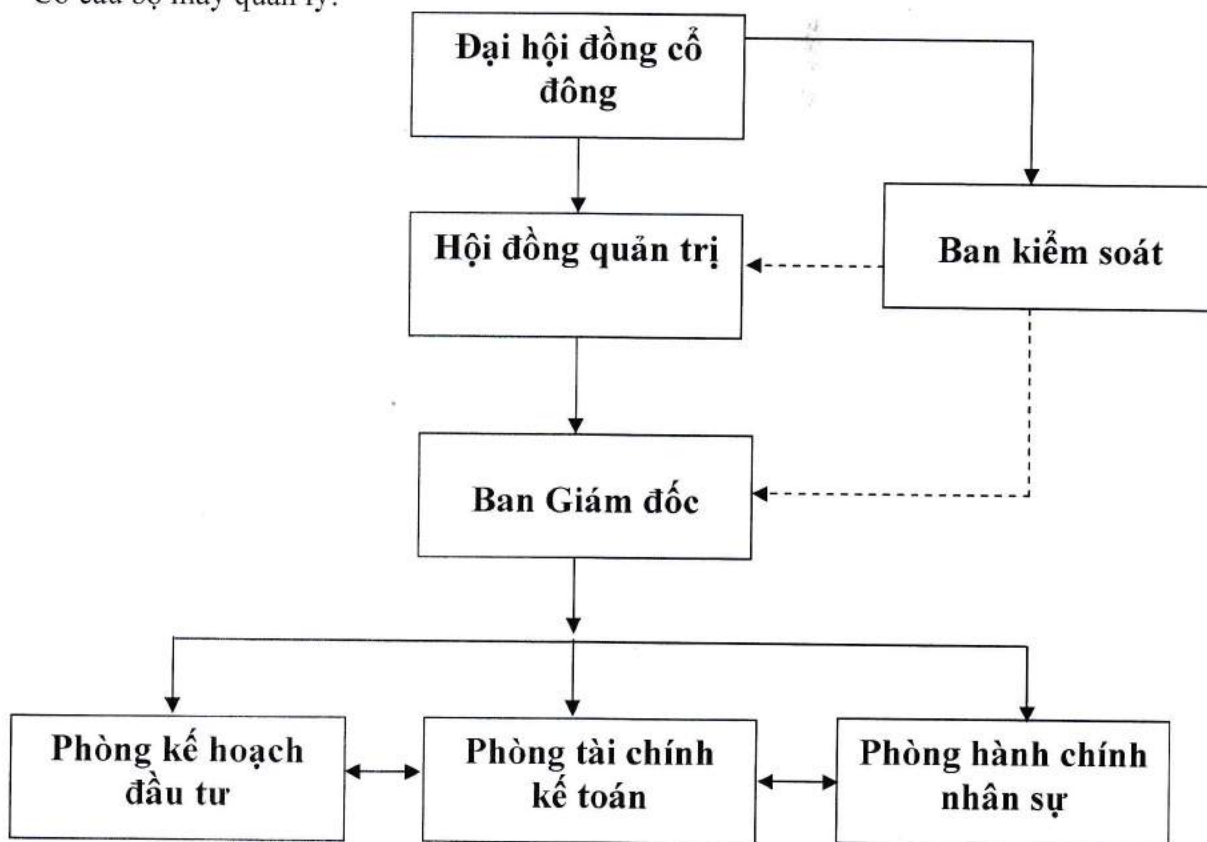
Căn cứ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/2/2014, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hestia bao gồm:

- + Hoạt động tư vấn đầu tư;
- + Hoạt động tư vấn quản lý;
- + Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

- + Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- + Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Công ty
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Công ty có cấu trúc bộ máy quản lý theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 1 lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các báo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, sẽ bầu hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên của Hội đồng quản trị có từ 3 đến 5 thành viên. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hestia có 04 thành viên.

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động, quản trị và điều hành hoạt động của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 02 thành viên. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

❖ **Ban Giám đốc:**

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Giám đốc là Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc quản lý, điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

5. Định hướng phát triển:

- ***Chiến lược Phát triển:***

- + Kiên định chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu trong 5 năm tới là tiếp tục mở rộng nguồn lực đầu tư, nâng cao và hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp.
- + Tăng trưởng lợi nhuận một cách bền vững với mức tăng trưởng trên 20%/năm và thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 15%/năm.

- ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:***

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tìm tòi, nghiên cứu và đầu tư vào các doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ, khả năng tăng trưởng tốt trong dài hạn. Bên cạnh đó, công ty không ngừng nâng cao năng lực trong lĩnh vực đầu tư thông qua việc tìm kiếm và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

- ***Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:***

- + Đối với môi trường: Nâng cao tinh thần trách nhiệm cán bộ công nhân viên trong công ty luôn giữ cho môi trường, cảnh quan, nơi làm việc trong công ty được sạch sẽ. Thực hiện chính sách tiết kiệm điện tại nơi làm việc.
- + Đối với xã hội và cộng đồng công ty:

- ✓ Tích cực tham gia hưởng ứng các ngày mang tính cộng đồng lớn như: ngày môi trường thế giới, giờ trái đất.....
- ✓ Ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn, nơi công ty đang đặt trụ sở.
- ✓ Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp

6. Các rủi ro:

Rủi ro tài chính của công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh cả chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

❖ *Rủi ro thị trường:*

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về biến động giá và lãi suất:

- Rủi ro về giá: Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.
- Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do Công ty có các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

❖ *Rủi ro tín dụng:*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

❖ *Rủi ro thanh khoản:*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh khoản các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ Tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm
01	Tổng giá trị tài sản	50.653.313.617	14.991.419.741	35.661.893.876
02	Doanh thu thuần	0	0	0
03	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.592.924.333	1.153.959.837	3.438.964.496
04	Lợi nhuận khác	12.898.216	0	12.898.216
05	Lợi nhuận trước thuế	4.605.822.549	1.153.959.837	3.451.862.712
06	Lợi nhuận sau thuế	4.417.307.381	1.153.595.837	3.263.711.544

+ Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, lợi nhuận năm 2016 là 4.4 tỷ đồng, tăng hơn gấp 3 lần so với năm 2015.

+ Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng và đã hoàn thành xong công việc đưa công ty trở thành công ty đại chúng và lên sàn Upcom.

- *Danh sách Ban điều hành:*

❖ *Danh sách Hội đồng quản trị:*

+ *Ông Lã Giang Trung - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc:*

- Năm bổ nhiệm: 2014
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2006 đến 2007	Công ty chứng khoán SBS	Chuyên viên Phân tích
Từ 2007 đến 2008	Công ty chứng khoán VNS	Phó phòng đầu tư
Từ 2009 đến 2013	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Chuyên viên phân tích Trưởng phòng Quản lý danh mục cổ phiếu
Từ 2014 đến 10/2015	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Giám đốc khối cổ phiếu
Từ 2014 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Chủ tịch Hội đồng

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
		quản trị
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Giám đốc
Từ 2015 đến nay	Công ty Cổ phần Passion Investment	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Passion Investment

+ **Bà Trần Phương Dung – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Năm bổ nhiệm: 2014
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính ngân hàng và Chứng chỉ tự doanh do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2005 đến 2006	Ngân hàng TMCP Sacombank	Chuyên viên quan hệ khách hàng
Từ 2006 đến 2007	Công ty chứng khoán Sacombank	Nhân viên môi giới và tư vấn đầu tư
Từ 2007 đến 2009	Công ty chứng khoán VNS	Chuyên viên tự doanh
Từ 2009 đến 2012	Ngân hàng VIB	Chuyên viên chính đầu tư Khối Nguồn vốn
Từ 2013 đến nay	Ngân hàng Techcombank.	Chuyên viên Định chế tài chính
Từ 2014 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Định chế tài chính - Ngân hàng Techcombank

+ **Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Năm bổ nhiệm: 2014
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ứng dụng
- Quá trình công tác:

H O C H

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2007 đến 2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	Chuyên viên chính
Từ 2010 đến nay	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	Giám đốc quản lý Phát triển sản phẩm – Ngân hàng Định chế Tài chính
Từ 2014 đến nay	Công ty Cổ phần Hestia	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc quản lý Phát triển sản phẩm – Ngân hàng Định chế Tài chính – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

+ **Bà Trần Hoàng Thanh Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Năm bổ nhiệm: 2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2006 đến nay	Ngân hàng Techcombank	Chuyên viên chính
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

❖ **Danh sách Ban kiểm soát**

+ **Bà Nguyễn Thị Hồng Anh – Trưởng Ban kiểm soát:**

- Năm bổ nhiệm: 2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 9/2014 đến 11/2015	Công ty Cổ phần kính xây dựng Lập Thành	Kế toán viên
Từ 11/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Passion Investment	Kế toán tổng hợp
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Trưởng Ban kiểm soát

16/11
 ÔN
 O₃
 E1
 4 F
 II

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán tổng hợp tại Công ty Cổ phần Passion Investment.

+ **Bà Đỗ Thị Hằng – Thành viên Ban kiểm soát**

- Năm bổ nhiệm: 2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 01/06/2002 đến 31/12/2008	Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng 18.	Kế toán viên
Từ 01/01/2009 đến 31/08/2015	Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại du lịch Hà Nam.	Kế toán viên
Từ 01/09/2015 đến nay	Công ty Cổ phần dược Trung ương 3 - Chi nhánh Hà Nội.	Nhân viên kinh doanh
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần dược Trung ương 3 - Chi nhánh Hà Nội.

❖ **Danh sách Giám đốc và các cán bộ quản lý.**

+ **Ông Lê Giang Trung – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty:** Sơ yếu lý lịch mục Danh sách Hội đồng quản trị

+ **Ông Nguyễn Đức Khang – Phó giám đốc**

- Năm bổ nhiệm: 2016
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2013 đến 2014	Công ty chứng khoán Bảo Việt	Chuyên viên Phân tích
Từ 2014 đến 2015	Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Chuyên viên phân tích
Từ 2015 đến nay	Công ty Cổ phần Passion Investment	Giám đốc đầu tư

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
nay		
Từ đầu năm 2016 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Phó Giám đốc và Trưởng phòng đầu tư

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty và Trưởng phòng Đầu Tư
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Đầu tư Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Passion Investment

+ **Bà Trần Thị Hiền – Kế toán trưởng**

- Năm bổ nhiệm: 2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài Chính- Ngân Hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ
Từ 2/2012 đến 7/2014	Công ty Cổ phần vật tư và xây dựng Hà Nội	Kế toán tổng hợp
Từ 8/2014- 31/12/2015	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quang Đại	Kế toán trưởng
Từ 2015 đến nay	Công ty cổ phần Hestia	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Tháng 1 năm 2016, Công ty đã bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc đối với Ông Nguyễn Đức Khang, Ông Nguyễn Đức Khang phụ trách phòng kế hoạch – đầu tư.

- **Chính sách nhân sự:**

- + Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của Hestia trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt.
- + Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp
- Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.
- Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc (08 giờ/ngày),

chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...

- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động áp dụng theo Quy chế trả lương của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

DVT: VND

Tên doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	427.720	49.570.408.618

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

DVT: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	14.991.419.741	50.653.313.617	237,88%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.796.872.968	8.363.132.412	199,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.153.959.837	4.592.924.333	298,01%
Lợi nhuận khác	0	12.898.216	
Lợi nhuận trước thuế	1.153.959.837	4.605.822.549	399,13%
Lợi nhuận sau thuế	1.153.959.837	4.417.307.381	282,79%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,5	1,51	
+ Hệ số thanh toán nhanh			

<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	1,5	1,51	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,97	1,93	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	N.A	N.A	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,41	0,52	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,36	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,41	0,54	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 1.600.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi biểu quyết.
- Số lượng cổ phần phổ thông: 986.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần ưu đãi biểu quyết: 614.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 820.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 780.000 cổ phần. Hạn chế chuyển nhượng sẽ hết hiệu lực vào ngày 19/02/2017.

b) Cơ cấu Cổ đông:

Theo nhóm cổ đông	31/12/2016		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)	6	1.276.600	79,79%
Trong nước	6	1.276.600	79,79%
Nước ngoài	0	0	0
Cổ đông khác			
Trong nước	100	323.400	20,21%
Nước ngoài	0	0	
Tổng cộng	106	1.600.000	100%

Cổ đông lớn	31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	%
Lã Giang Trung	337.800	21,11%
Đào Gia Hưng	307.800	19,24%
Trần Phương Dung	212.300	13,27%
Nguyễn Tuấn Đạt	206.200	12,89%
Nguyễn Thị Hồng Hậu	130.500	8,16%
Nguyễn Đức Khang	82.000	5,13%
Các cổ đông khác	323.400	20,2%
Tổng cộng	1.600.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Kể từ khi thành lập, Hestia đã thực hiện tăng vốn lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 8,2 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng:

- ✓ Phát hành cho cổ đông hiện hữu:
- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 29/06/2016
- + Số lượng cổ đông: 15 cổ đông
- + Tỷ lệ thực hiện quyền: 41:39
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Ngày phát hành: 16/06/2016
- + Số lượng phát hành: 780.000 cổ phần

- + Tổ chức trung gian: không có
- + Cơ quan chấp thuận: - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16/06/2016.
- Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

- + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- *Chính sách liên quan đến người lao động:*

❖ *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

- + Thực hiện tốt chế độ ăn giữa ca cho người lao động
- + Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động
- + Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, nghỉ lễ tết, nghỉ phép năm, trợ cấp khó khăn cho người lao động
- + Chăm lo đầy đủ vật chất và tinh thần cho người lao động các dịp lễ tết.

❖ *Hoạt động đào tạo người lao động:*

- + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên và theo từng chương trình đào tạo cụ thể và tổ chức đào tạo cho từ đối tượng.
- + Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật các quy định của nhà nước, an toàn phòng cháy và chữa cháy.

- *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Tích cực tham gia các hoạt động phong trào hỗ trợ cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội như phát triển thị trường kinh doanh tạo việc làm. Tham gia các phong trào tương thân, tương ái: đóng góp những hoạt động tổ chức tại địa phương....

III/Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: VNĐ

Tình hình tài chính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	14.991.419.741	50.653.313.617	237,88%
Tài sản ngắn hạn	14.955.474.755	50.653.313.617	338%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.949.754	64.293.076	1080%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.904.066.863	50.500.924.119	338%
Các khoản phải thu ngắn hạn	0	76.611.590	
Tài sản ngắn hạn khác	45.458.138	11.484.832	(395%)
Tài sản dài hạn	35.944.986	0	
Các khoản phải thu dài hạn	35.944.986	0	
Tổng nợ phải trả	9.958.848.202	33.403.434.697	335%
Nợ ngắn hạn	9.958.848.202	33.403.434.697	335%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.029.276	30.000.000	1478%
Phải trả ngắn hạn khác	225.783.088	900.959.363	399%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.731.035.838	32.472.475.334	333%
Vốn chủ sở hữu	5.032.571.539	17.249.878.920	342%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Năm 2015	Năm 2016
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,5	1,51
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,5	1,51
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,65



+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,97	1,93
+ Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,33	0,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,41	0,52
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,25
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,08

❖ **Tình hình Nợ phải thu**

Đến thời điểm 31/12/2016, tổng dư nợ phải thu ngắn hạn của Công ty là 76.611.590 VNĐ, trong đó phải thu khác hàng là 9.571.000 VNĐ, chủ yếu là phải thu cổ tức bằng tiền của các khoản đầu tư tài chính. Công ty kiểm soát tốt và thực hiện theo dõi, quản lý các khoản nợ phải thu. Phần lớn các khách hàng thanh toán đúng hạn.

❖ **Tình hình Nợ phải trả**

Đến thời điểm 31/12/2016, tổng dư nợ phải trả của Công ty là 33.403.434.697 VNĐ. Nợ phải trả được theo dõi, quản lý và được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

❖ **Tình hình nộp Ngân sách Nhà nước**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

Tổng số thuế còn phải nộp của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là - 11.484.832 VNĐ do trong năm 2016 Công ty đã trích nộp số thuế tạm tính nhiều hơn số thuế thực tế phải nộp.

❖ **Tình hình lập dự phòng**

Năm 2016, Công ty đã tiến hành lập dự phòng đối với các khoản phải đầu tư tài chính ngắn hạn theo đúng quy định của Công ty. Số tiền trích lập dự phòng lũy kế đến 31/12/2016 là 105.680.826 VNĐ.

❖ **Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất**

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

11/36
20
C
1
11/11

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	14.955	50.653	35.698
Tài sản dài hạn	36	0	(36)
Nợ ngắn hạn	9.959	33.403	23.444
Nợ dài hạn	0	0	0

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

ĐVT: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Số cuối năm	% tăng/ giảm
Nợ ngắn hạn	9.958.848.202	33.403.434.697	235,41%
Nợ dài hạn	0	0	
Tổng cộng	9.958.848.202	33.403.434.697	235,41%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý của Công ty đã đi vào ổn định. Công ty tiếp tục hoàn thiện hơn nữa những chính sách hiện hành và nghiên cứu những chính sách mới phù hợp với xu thế phát triển lâu dài và mở rộng của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	24.000	50%	32.000	33,33%
Tổng Doanh thu (bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)	8.300	118,42%	16.700	101,20%
Lợi nhuận sau thuế	3.100	63,16%	6.200	100,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng	37,35%	-	37,13%	-

1141
1411

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu				
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12,92%	-	19,38%	-
Cổ tức	10%	-	12%	-

Kiên định chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu trong 5 năm tới là tiếp tục mở rộng nguồn lực đầu tư, nâng cao và hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp.

Tăng trưởng lợi nhuận một cách bền vững với mức tăng trưởng trên 20%/năm và thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 15%/năm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và khuyến khích nhân viên tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể trong công ty cũng như tại địa phương.
- Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại địa bàn.
- Tích cực tham gia các hoạt động tương thân, tương ái, ủng hộ đồng bào lũ lụt và các hoạt động xã hội khác tại địa phương.

IV/Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và các bộ phận quản lý trong lĩnh vực đầu tư, duy trì và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn về đầu tư, bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Hoạt động đầu tư năm 2016 đã có những chuyển biến tích cực cụ thể:

- Kết quả kinh doanh: lợi nhuận sau thuế 4.417.307.381 đồng
- Phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ: Tăng vốn điều lệ từ 8,2 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- ❖ Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý, điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra một số vấn đề như:
 - Về việc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành và có những chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
 - Các nội dung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện;
- ❖ Với việc giám sát của Hội đồng quản trị, thì năm 2016 Ban Giám đốc đã thực hiện như sau:
 - Ban Giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên với nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.
 - Trên cơ sở nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc công ty đã tổ chức tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp,
 - Ban giám đốc đã thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
 - Các thành viên Ban giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 và những năm tới trên cơ sở thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng sau:

- Mục tiêu của công ty đến năm 2025 là đưa Công ty cổ phần Hestia trở thành một Công ty đầu tư hùng mạnh, sở hữu các công ty con, công ty liên kết có khả năng tăng trưởng cao thuộc các ngành hàng phát triển;
- Tăng cường, mở rộng các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép như tư vấn đầu tư, đầu tư chứng khoán.....
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, tập trung đẩy mạnh hoạt động M&A để sở hữu các công

10/11/2016

ty tiềm năng với mức giá hợp lý, đầu tư vào một định chế tài chính;

- Chỉ đạo sát sao mọi hoạt động của Công ty, tăng cường hơn nữa công tác quản lý, nâng cao chất lượng quản trị công ty
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc, Phó Giám đốc, các bộ phận quản lý, đảm bảo chấp hành nghiêm luật pháp, chế độ tài chính kế toán và nâng cao đời sống người lao động trong Công ty.

V/ Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:* 04 người

STT	Họ và tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP	Tỷ lệ
1	Lã Giang Trung	Chủ tịch	Kiểm Giám đốc	337.800	21,11%
2	Trần Phương Dung	Thành viên	Không điều hành	212.300	13,27%
3	Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên	Không điều hành	130.500	8,16%
4	Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên	Không điều hành	0	0%

- Ông Lã Giang Trung – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc đồng thời nắm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Passion Investment.

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

❖ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên chịu trách nhiệm về các lĩnh vực cụ thể;
- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định tăng vốn trong năm 2016.

❖ Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2016:

- Ban hành 03 Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ công ty năm 2016.
- Và các Nghị quyết khác về từng vấn đề cụ thể.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:* Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm cũng như tham dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng ban	Độc lập	100	0,01%
2	Đỗ Thị Hằng	Thành viên	Không điều hành	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn, kiểm soát việc ban hành định mức nội bộ và mua sắm, sửa chữa thiết bị của Công ty
- Ban kiểm soát kiểm tra toàn diện các hoạt động của Công ty và có báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Hestia hàng năm Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty sẽ quyết định tổng mức thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của HĐQT, BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty áp dụng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2016 như sau:

* Tổng thù lao của HĐQT, BKS năm 2015.

Đơn vị: VNĐ

TT	Chức danh	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
2	Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Cộng quý	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
	Tổng cộng năm	72.000.000			

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lã Giang Trung	Chủ tịch HĐQT	200.000	24,39%	337.800	21,11%	Tăng vốn điều lệ
2	Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên HĐQT	80.000	9,76%	130.500	8,16%	Tăng vốn điều lệ, nhận chuyển nhượng từ cổ đông khác
3	Trần Phương Dung	Thành viên HĐQT	100.000	12,20%	212.300	13,27%	Tăng vốn điều lệ
4	Đào Gia Hưng	Người liên quan TV HĐQT	200.000	24,39%	307.800	19,24%	Tăng vốn điều lệ
5	Nguyễn Tuấn Đạt	Người liên quan TV HĐQT	100.000	12,20%	206.200	12,89%	Tăng vốn điều lệ
6	Nguyễn Đức Khang	Phó Giám đốc	0	0	82.000	5,125%	Nhận chuyển nhượng từ cổ đông khác
7	Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng BKS	0	0	100	0,01%	Nhận chuyển nhượng từ cổ đông khác

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2016 Công ty không có nội dung nào chưa được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

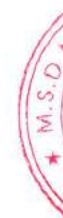
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 22
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, Đường 19/5, Khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Giang Trung	Chủ tịch
Bà Trần Hoàng Thanh Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	Thành viên
Bà Trần Phương Dung	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Giang Trung	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04/03/2016)
Bà Chu Minh Ngọc	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/03/2016)
Ông Nguyễn Đức Khang	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

01
C
ÁCH
ÁNH
04

01
C
C
H
THAN

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lã Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

110
NG
HIỆM
KIẾ
A
KIẾ

64
ÔN
Ồ
ES
4 P

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hestia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia được lập ngày 05 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Hoàng Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0899-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.653.313.617	14.955.474.755
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.293.076	5.949.754
111	1. Tiền		64.293.076	5.949.754
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.500.924.119	14.904.066.863
121	1. Chứng khoán kinh doanh		50.606.604.945	15.530.617.040
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(105.680.826)	(626.550.177)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.611.590	-
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		9.571.590	-
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	67.040.000	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.484.832	45.458.138
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	45.458.138
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	11.484.832	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	35.944.986
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	35.944.986
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	-	35.944.986
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.653.313.617	14.991.419.741



11/2/17
TY
N
IA
14

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.403.434.697	9.958.848.202
310	I. Nợ ngắn hạn		33.403.434.697	9.958.848.202
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		30.000.000	2.029.276
319	2. Phải trả ngắn hạn khác	8	900.959.363	225.783.088
320	3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6	32.472.475.334	9.731.035.838
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.249.878.920	5.032.571.539
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	17.249.878.920	5.032.571.539
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.000.000.000	8.200.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		16.000.000.000	8.200.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.249.878.920	(3.167.428.461)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(3.167.428.461)	(4.321.388.298)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		4.417.307.381	1.153.959.837
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.653.313.617	14.991.419.741



Trần Thị Hiền

Trần Thị Hiền

Lã Giang Trung

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	10	8.363.132.412	2.796.872.968
22	7. Chi phí tài chính	11	3.425.898.584	1.533.491.346
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.067.824.657	768.454.761
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	344.309.495	109.421.785
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.592.924.333	1.153.959.837
31	11. Thu nhập khác	13	16.818.216	-
32	12. Chi phí khác		3.920.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		12.898.216	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.605.822.549	1.153.959.837
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14	188.515.168	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.417.307.381	1.153.959.837
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	3.906	1.407



Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		37.191.507.060	36.503.714.442
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(65.079.543.701)	(38.301.627.017)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(150.000.000)	(22.500.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.067.824.657)	(768.454.761)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(200.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.944.986	145.347.489
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(236.030.725)	(35.944.986)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.484.947.037)	(2.479.464.833)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.850.863	1.774.628
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.850.863	1.774.628
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.800.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		70.977.571.795	39.178.820.871
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(48.236.132.299)	(36.730.266.772)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.541.439.496	2.448.554.099
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		58.343.322	(29.136.106)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.949.754	35.085.860
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	64.293.076	5.949.754



Trần Thị Hiền

Trần Thị Hiền



Trần Thị Hiền
Người lập biểu

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng

Là Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Rainbow, Đường 19/5, Khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 16.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm, đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

197
GT
HÀ
ĐT
HỒ

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

10011
CÓN
TÍNH NH
HÀNG K
A
HOANK

2.7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11. Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

11/12/2016

105-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
KẾ TOÁN
SC
M-TP.H

2.12. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	-	550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.293.076	5.949.204
	64.293.076	5.949.754

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC SỐ 01 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu cổ tức bằng tiền chứng khoán SED chưa nhận được tiền	67.040.000	-	-	-
	67.040.000	-	-	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	35.944.986	-
	-	-	35.944.986	-



6. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (*)	9.731.035.838	9.731.035.838	70.977.571.795	48.236.132.299	32.472.475.334	32.472.475.334
	9.731.035.838	9.731.035.838	70.977.571.795	48.236.132.299	32.472.475.334	32.472.475.334

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (SSI) số 3575/2014/HDMR-SSIHN ngày 06/03/2014, lãi suất cho vay được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội quy định tại từng thời điểm, hạn mức tín dụng sẽ được điều chỉnh thường xuyên căn cứ vào giá thị trường của tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công bố tùy từng thời điểm, giá trị Tài sản đảm bảo được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội đánh giá và điều chỉnh thường xuyên và các ngày giao dịch bình thường của Sàn Giao dịch Chứng khoán. Số dư đến thời điểm 31/12/2015 là 9.731.035.838 đồng, số dư đến thời điểm 31/12/2016 là 32.472.475.334 đồng.



7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	188.515.168	200.000.000	11.484.832
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.000.000	15.000.000	-
- Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
	-	205.515.168	217.000.000	11.484.832

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Phải trả khác tiền ứng kinh doanh cá nhân ông Lê Giang Trung	41.672.363	225.783.088
- Giá trị mua cổ phiếu MWG đã khớp lệnh nhưng chưa thanh toán (*)	859.287.000	-
	900.959.363	225.783.088

(*) Khoản phải trả về mua chứng khoán kinh doanh 5.500 cổ phiếu mã chứng khoán MWG đã khớp lệnh tại thời điểm 30/12/2016 nhưng chưa phải thanh toán tiền.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	8.200.000.000	(4.321.388.298)	3.878.611.702
Lãi trong năm trước	-	1.153.959.837	1.153.959.837
Số dư cuối năm trước	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Số dư đầu năm nay	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Tăng vốn trong năm nay (*)	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Lãi trong năm nay	-	4.417.307.381	4.417.307.381
Số dư cuối năm nay	16.000.000.000	1.249.878.920	17.249.878.920

(*) Trong năm tài chính Công ty có thực hiện tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tổng số vốn điều lệ tăng thêm là 7.800.000.000 đồng tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 780.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu, phù hợp với mục đích tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2016.

11. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.067.824.657	768.454.761
Lỗ do kinh doanh chứng khoán	1.875.746.486	176.678.237
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(520.869.351)	587.051.931
Chi phí tài chính khác	3.196.792	1.306.417
	3.425.898.584	1.533.491.346

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	150.000.000	20.500.000
Thuế, phí, lệ phí	17.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.458.138	52.586.138
Chi phí khác bằng tiền	22.851.357	34.335.647
	344.309.495	109.421.785

13. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập khác	16.818.216	-
	16.818.216	-

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.605.822.549	1.153.959.837
Các khoản điều chỉnh tăng	15.000.000	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	15.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.678.246.711)	(1.153.959.837)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(56.283.167)	(11.046.667)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.621.963.544)	(1.142.913.170)
Thu nhập chịu thuế TNDN	942.575.838	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.515.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(200.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(11.484.832)	-



15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.417.307.381	1.153.959.837
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.417.307.381	1.153.959.837
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.130.966	820.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.906	1.407

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.293.076	-	5.949.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590	-	35.944.986	-
Đầu tư ngắn hạn	50.606.604.945	(105.680.826)	15.530.617.040	(626.550.177)
	50.747.509.611	(105.680.826)	15.572.511.780	(626.550.177)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	32.472.475.334	9.731.035.838
Phải trả người bán, phải trả khác	930.959.363	227.812.364
	33.403.434.697	9.958.848.202

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trong đương tiền	64.293.076	-	-	64.293.076
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.611.590	-	-	76.611.590
Đầu tư ngắn hạn	50.500.924.119	-	-	50.500.924.119
	50.641.828.785	-	-	50.641.828.785
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trong đương tiền	5.949.754	-	-	5.949.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.944.986	-	-	35.944.986
Đầu tư ngắn hạn	14.904.066.863	-	-	14.904.066.863
	14.945.961.603	-	-	14.945.961.603

15
 16
 17
 18

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	32.472.475.334	-	-	32.472.475.334
Phải trả người bán, phải trả khác	930.959.363	-	-	930.959.363
	33.403.434.697	-	-	33.403.434.697
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	9.731.035.838	-	-	9.731.035.838
Phải trả người bán, phải trả khác	227.812.364	-	-	227.812.364
	9.958.848.202	-	-	9.958.848.202

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	70.977.571.795	39.178.820.871
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(48.236.132.299)	(36.730.266.772)

18. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

DỊCH
TRẮC
TIỀN
DAN

二
二
一
一
二

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải trả khác			
Ông Lê Giang Trung	Chủ tịch HĐQT	41.672.363	225.783.088

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	108.000.000	-

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lê Giang Trung
Giám đốc

111
ÔNG
NHIỆM
KIỂM
AS
KIỂM

111
Y
N
A
111

PHỤ LỤC SỐ 01 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016					
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	-	50.606.604.945	50.500.924.119	(105.680.826)	479.784	15.530.617.040	14.904.066.863	(626.550.177)
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	-	-	-	-	4	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam (SED)	41.900	809.600.826	703.920.000	(105.680.826)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	427.720	49.570.408.618	49.570.408.618	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC)	15.330	226.595.501	226.595.501	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (HVT)	720	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	-	-	-	-	4.500	180.512.363	180.512.363	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	-	-	340.230	10.561.636.732	9.935.086.555	(626.550.177)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (BTS)	-	-	-	-	10.000	88.132.000	88.132.000	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	-	-	105.750	4.325.224.120	4.325.224.120	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (TA9)	-	-	-	-	19.300	375.111.825	375.111.825	-
		50.606.604.945	50.500.924.119	(105.680.826)	479.784	15.530.617.040	14.904.066.863	(626.550.177)

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường Chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết tại ngày lập Báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC SỐ 02 - CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã Chứng khoán	Số dư đầu năm	Mua trong năm	Bán trong năm	Số dư cuối năm	Giá trị bán thu được	Lãi /lỗ thuần	Lãi từ kinh doanh chứng khoán	Lỗ do kinh doanh chứng khoán
HVT	0	47.270.800	47.270.800	0	36.505.160	(10.765.640)	0	(10.765.640)
FPT	0	4.642.334.239	4.642.334.239	0	4.711.838.236	69.503.997	69.503.997	0
HPG	10.561.266.177	0	10.561.266.177	0	8.717.745.735	(1.843.520.442)	0	(1.843.520.442)
PNJ	4.325.594.675	4.922.324.385	9.247.919.060	0	16.346.924.766	7.099.005.706	7.099.277.380	(271.674)
TA9	375.111.825	85.858.595	460.970.420	0	910.116.275	449.145.855	449.145.855	0
SVI	0	1.495.215.965	1.495.215.965	0	1.495.447.446	231.481	18.937.907	(18.706.426)
SED	0	2.672.955.333	1.863.354.507	809.600.826	1.928.542.840	65.188.333	66.957.845	(1.769.512)
MWG	0	50.770.387.355	1.199.978.737	49.570.408.618	1.699.155.438	499.176.700	499.176.700	0
BTS	88.132.000	21.632.400	109.764.400	0	109.056.170	(708.230)	0	(708.230)
BMC	0	259.129.112	32.533.611	226.595.501	34.785.742	2.252.131	2.256.693	(4.562)
TCT	0	317.500.538	317.500.538	0	322.325.485	5.024.947	5.024.947	0
VFG	180.512.363	0	180.512.363	0	249.375.375	68.863.012	68.863.012	0
SAF	0	58.888.200	58.888.200	0	84.433.160	25.544.960	25.544.960	0
HVL	0	100.150.000	100.150.000	0	100.459.085	309.085	309.085	0
Tổng	15.530.617.040	65.393.646.922	30.317.659.017	50.606.604.945	36.746.910.913	6.429.251.895	8.304.998.382	(1.875.746.486)



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



LÀ GIANG TRUNG

